TỊA N NHN ÔN CỘNG HỊA Ỹ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

HUYỆN VŨNG LIÊM **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

TỈNH VĨNH LONG

Bản án số: 57/2024/DSST

Ngày: 24– 5– 2024.

" V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và thuê tài sản"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨNG LIÊM, TỈNH VĨNH LONG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Cường.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Trần Thị Thu Hà.

2/ Ông Trần Văn Lập.

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Nguyễn Phước Thành – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm không tham gia phiên tòa.

Ngày 24 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 38/2024/TLST - DS ngày 01 tháng 02 năm 2024 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và thuê tài sản"*, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 94/2024/QĐXXST-DS ngày 10/4/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 88/2024/QĐST – DS ngày 07/5/2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Công ty cổ phần S **TIỀN CÓ NGAY**.

Địa chỉ: Số A N, phường B, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông KANOKWATPAISAL NAPAT – Chức vụ giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hồ Minh N (có đơn xin vắng).

Địa chỉ: Số E P, phường D, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

- Bị đơn: Anh Trần Văn P, sinh năm: 1977 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: ấp T, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 12/12/2023, bản khai ngày 06/5/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, *anh* Nguyễn Hồ Minh N *đại diện ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Vào ngày 04/11/2020 nguyên đơn có cho bị đơn Nguyễn Đoàn K vay số tiền là 20.000.000 đồng, lãi suất trong hạn 1,1%/tháng, lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn (1,65%/tháng). Để bảo đảm cho khoản tiền vay thì bị đơn có thực hiện biện pháp bảo đảm là cầm cố cho phía nguyên đơn 01 chiếc xe Honđa, loại

Future viet 125cc Fi, biển kiểm soát: 64D1 – 569.07 và nguyên đơn đã đăng ký giao dịch bảo đảm trực tuyến theo quy định của pháp luật. Khi cho vay thì 2 bên có làm hợp đồng với tên gọi là "hợp đồng cầm cố" ngày 04/11/2020; nguyên đơn đã giao tiền cho bị đơn cùng ngày 04/11/2020. Bị đơn đã trả cho nguyên đơn số tiền

5.251.000 đồng (tiền vay gốc: 3.760.000đ; tiền lãi 432.000đ; phí quản lý hồ sơ và hao mòn xe 1.878.000đ).

Do bị đơn có nhu cầu sử dụng chiếc xe (đã cầm cố cho nguyên đơn) nên anh P có mượn lại chiếc xe của nguyên đơn với điều kiện là anh P phải trả phí quản lý hồ sơ và hao mòn xe là 4 %/tháng.

Nay nguyên đơn yêu cầu anh P trả số tiền 30.785.000đ. Trong đó tiền gốc là 18.555.000đ, lãi trong hạn là 7.879.000đ và lãi quá hạn là 4.351.000đ; tiền phí quản lý hồ sơ và hao mòn khi mượn xe là 1.878.000đ.

Tại bản khai ý kiến ngày 06/5/2024 nguyên đơn rút lại yêu cầu đối với số tiền phí quản lý hồ sơ và hao mòn khi mượn xe là 1.878.000đ.

Đối với bị đơn anh Trần Văn P, Tòa án tiến hành triệu tập hợp lệ bị đơn là nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do nên không có ý trình bày đối với yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long giải quyết tranh chấp hợp đồng vay tài sản và thuê tài sản giữa nguyên đơn và bị đơn có địa chỉ ở xã T, huyện V. Theo quy định tại khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm; Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt ngày 06/5/2024, đồng thời Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Quá trình thụ lý vụ án, các tài liệu chứng cứ do đương sự tự giao nộp, Tòa án không tiến hành thu thập chứng cứ, các bên đương sự là người đã thành niên, không bị nhược điểm về thể chất tâm thần. Căn cứ vào khoản 2, Điều 21 của Bộ luật tố tụng dân sự; vụ án không thuộc trường hợp Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp phải tham gia phiên tòa.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét việc nguyên đơn yêu cầu anh K trả số tiền 30.785.000đ. Trong đó tiền gốc là 18.555.000đ, lãi trong hạn là 7.879.000đ và lãi quá hạn là 4.351.000đ. Hội đồng xét xử nhận thấy:

+ Đối với yêu cầu bị đơn trả số tiền gốc 18.550.000đ là có cơ sở chấp nhận, bởi vì bị đơn vay của nguyên đơn số tiền 20.000.000 đ, bị đơn đã trả số tiền gốc là 1.450.000đ nên còn nợ lại nguyên đơn **18.550.000đ**.

+ Đối với lãi suất:

- Đối với yêu cầu bị đơn trả số tiền lãi trong hạn là 7.879.000đ là có cơ sở chấp nhận một phần, bởi vì bị đơn vay của nguyên đơn ngày 04/11/2020, thời hạn hợp đồng vay là 18 tháng (04/5/2022). Thành tiền: 18.550.000đ x 1,1%/tháng x 18 tháng = 3.672.000đ, khấu trừ tiền lãi bị đơn đã trả 432.000đ. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận đối với số tiền lãi trong hạn là **3.240.000đ**.

- Đối với yêu cầu bị đơn trả số tiền lãi quá hạn là 4.351.000đ là có cơ sở chấp nhận, bởi vì thời hạn hợp đồng vay là 18 tháng (04/11/2022), tính đến ngày xét xử 24/5/2024 là: 18 tháng lẽ 20 ngày. Thành tiền: 18.550.000đ x 1,65%/tháng x 18

tháng 20 ngày) = **5.713.000đ**. Tuy nhiên, nguyên đơn chỉ yêu cầu số tiền 4.351.000đ nên ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn.

Theo bản khai ý kiến ngày 06/5/2024 thì tổng số tiền lãi suất trong hạn và quá hạn nguyên đơn yêu cầu là 7.879.000đ + 4.351.000đ = 12.230.000đ. Nhưng tổng số tiền lãi trong hạn và quá hạn thực tế Hội đồng xét xử xác định là 3.240.000đ.+ 5.713.000đ = 8.953.000đ. Tuy nguyên đơn xác định số tiền lãi trong hạn và quá hạn không chính xác, cụ thể xác định số tiền lãi trong hạn là cao hơn so với thực tế, còn lãi quá hạn thì lại thấp hơn so với thực tế. Việc xác định không chính xác này là do sự nhầm lẫn trong phép tính của nguyên đơn, để đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho các bên thì cần xác định tổng số tiền lãi (trong hạn và quá hạn) thực tế là **8.953.000đ**.

[2.3] Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn đối với số tiền lãi vượt quá yêu cầu khởi kiện cụ thể là **3.277.000đ.**

[2.4] Đối với yêu cầu số tiền phí quản lý hồ sơ và hao mòn khi mượn xe 26.524.000đ. Do nguyên đơn đã rút yêu cầu nên đình chỉ giải quyết.

[4] Từ những căn cứ nêu trên có đủ cơ sở buộc phía bị đơn anh Trần Văn P có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền vay gốc còn lại là 18.550.000đ; lãi trong hạn là 3.240.000đ; lãi quá hạn là 5.713.000đ. Tổng cộng: 27.503.000đ (yêu cầu khởi kiện là 30.780.000đ) là có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 463, 466 và 468 Bộ luật dân sự; Không chấp nhận đối với yêu cầu vượt quá phạm vi khởi kiện 3.277.000đ.

[5] Án phí sơ thẩm: Buộc bị đơn phải nộp số tiền cụ thể như sau: 27.503.000đ x 5% = 1.375.000đ; Buộc nguyên đơn nộp án phí trên số tiền không được chấp nhận cụ thể như sau: 3.277.000đ x 5% = 163.000đ. Theo Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì số tiền án phí đương sự phải nộp tối thiểu là 300.000 đ, nên buộc nguyên đơn nộp số tiền là 300.000đ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 35, 39; 117, 227, 228, 244 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 310, 311, 312, 313, 314, 463, 465, 466, 468 Bộ luật dân sự 2015; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty cổ phần S TIỀN CÓ NGAY.

1/ Buộc bị đơn anh Trần Văn P trả nguyên đơn Công ty cổ phần S TIỀN CÓ NGAY số tiền gốc còn nợ là 18.550.000đ; lãi trong hạn là 3.240.000đ; lãi quá hạn là 5.713.000đ. Tổng cộng: 27.503.000đ (hai mươi bảy triệu năm trăm lẽ ba ngàn đồng).

- Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành án xong, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì nguyên đơn có quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền kê biên, xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi khoản nợ cho nguyên đơn đối với tài sản bảo đảm là:
Một (01) xe mô tô hai bánh; Nhãn hiệu: HONDA; Loại: Future viet 125cc Fi; Biển số xe: 64D1-569.07; Số khung: 7631LY010550; Số máy: JC76E1118749; Giấy chứng nhận đăng ký số: 049969 do ông/bà Trần Văn P đứng tên.
2/ Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn đối với số lãi vượt quá là 3.277.000đ (ba triệu hai trăm bảy mươi bảy ngàn đồng).
3/ Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của nguyên đơn về phí quản lý hồ sơ và hao mòn xe.

- Án phí sơ thẩm:

+ Buộc bị đơn phải nộp số tiền 1.375.000đ (Một triệu ba trăm bảy mươi lăm ngàn đồng).

+ Buộc nguyên đơn nộp số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.400.000đ theo lai thu số 0008761 ngày 01/02/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm. Hoàn trả nguyên đơn số tiền 1.100.000đ (một triệu một trăm ngàn đồng).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
-VKSND huyện Vũng Liêm;
-Chi cục THADS huyện Vũng Liêm;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Quốc Cường